头	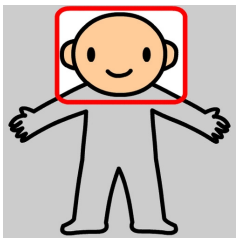 tóu
眼睛	yǎn jīng
鼻子	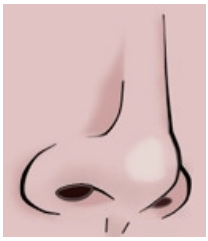 bí zi
嘴巴	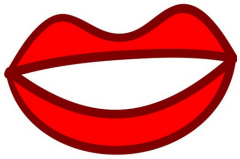 zuǐ bā
耳朵	ěr duō

脸	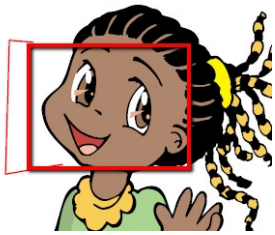 liǎn
手	shǒu
胸口	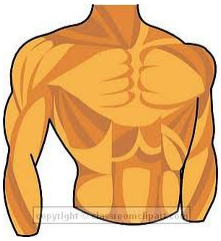 xiōng kǒu
腿	tuǐ
脚	jiǎo

头发	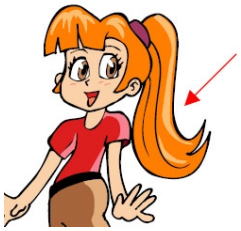 tóu fa
尾巴	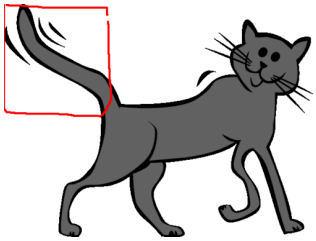 wěi ba
大	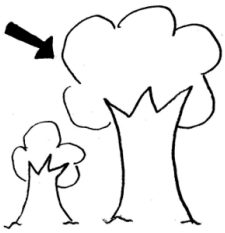 dà
小	xiǎo
长	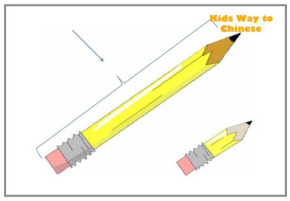 cháng

短	duǎn